

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2023/TT-BNG ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc đăng ký và quản lý hộ tịch tại Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài**

*Căn cứ Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Quốc tịch Việt Nam số 24/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam số 56/2014/QH13 ngày 24 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài số 33/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài số 19/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;*

*Căn cứ Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 1 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 28/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Lãnh sự;*

*Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2023/TT-BNG ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc đăng ký và quản lý hộ tịch tại Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2023/TT-BNG ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc đăng ký và quản lý hộ tịch tại Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài**

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

**“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn chi tiết khoản 1 Điều 53 của Luật Hộ tịch về đăng ký hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài; đăng ký lại khai sinh, kết hôn, khai tử; cấp bản sao trích lục hộ tịch; cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài; quản lý nhà nước về hộ tịch; việc quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến tại Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi là Cơ quan đại diện) theo quy định của Luật Hộ tịch, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực (sau đây gọi là Nghị định số 123/2015/NĐ-CP) và Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến (sau đây gọi là Nghị định số 87/2020/NĐ-CP).”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 như sau:

“Người yêu cầu đăng ký hộ tịch, cấp bản sao trích lục hộ tịch xuất trình bản chính một trong các giấy tờ là hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước, căn cước điện tử, giấy chứng nhận căn cước hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng (sau đây gọi là giấy tờ tùy thân) để chứng minh về nhân thân; giấy tờ chứng minh đang cư trú tại nước sở tại (nếu có). Cơ quan đại diện kiểm tra, chụp và xác nhận bản chụp đã đối chiếu đúng với bản chính để lưu hồ sơ. Trường hợp nộp hồ

sơ qua hệ thống bưu chính thì nộp bản sao đã được chứng thực hợp lệ các giấy tờ nêu trên.

Trường hợp người yêu cầu là công dân Việt Nam đã được cấp số định danh cá nhân thì có thể xuất trình bản chính thẻ căn cước hoặc căn cước điện tử (nếu nộp trực tiếp) hoặc nộp bản chụp giấy tờ này (nếu nộp qua hệ thống bưu chính hoặc gửi qua hệ thống đăng ký hộ tịch trực tuyến) để chứng minh nhân thân khi cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho phép Cơ quan đại diện kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

**“Điều 6. Thẩm quyền đăng ký khai sinh**

Cơ quan đại diện ở khu vực lãnh sự nơi cha hoặc mẹ của trẻ em cư trú hoặc nơi trẻ em sinh ra thực hiện việc đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra tại nước ngoài, chưa được đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài và thuộc một trong các trường hợp sau:

1. Có cha và mẹ là công dân Việt Nam;
2. Có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam, còn người kia là người không quốc tịch;
3. Có mẹ là công dân Việt Nam còn cha không rõ là ai;
4. Có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam, người kia là công dân nước ngoài, cha và mẹ có văn bản thỏa thuận lựa chọn quốc tịch Việt Nam cho con khi đăng ký khai sinh.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 29 như sau:

“1. Ngay sau khi nhận được yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch, nếu thấy đủ điều kiện, Cơ quan đại diện cấp bản sao trích lục hộ tịch cho người yêu cầu; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.”

5. Sửa đổi khoản 3 Điều 37 như sau:

“Đối với việc đăng ký khai tử, sau khi hoàn tất thủ tục và cấp trích lục khai tử, Cơ quan đại diện khóa thông tin hộ tịch của người chết trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Hộ tịch.”

**Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 13 tháng 7 năm 2025.

2. Hồ sơ đã được tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục được giải quyết theo quy định tại Thông tư số 07/2023/TT-BNG ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc đăng ký và quản lý hộ tịch tại Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh những việc mới, Cơ quan đại diện kịp thời phản ánh về Bộ Ngoại giao để kịp thời hướng dẫn./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Công an, Tư pháp;
- Các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Ngoại giao;
- Lưu: HC, LS.

